

Phụ lục
LỊCH ĐIỀU HÀNH TỔ CHỨC LẤY MẪU, BÀN GIAO MẪU HCLS PHỤC VỤ GIÁM ĐỊNH ADN
XÁC ĐỊNH DANH TÍNH HCLS TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-BCĐ ngày tháng 07 năm 2026 của Ban Chỉ đạo thành phố Hà Nội)

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
A.	NTLS THÀNH PHỐ											
	<i>NTLS Mai Dịch - P. Phú Diễn</i>	HAN1001	1227		757	470	470			Tháng 9/2026		Tổ 1 + 2
	<i>NTLS Nhôn</i>	HAN1002	2205	594	1572	39	39			Tháng 8/2026		Tổ 1
	<i>NTLS Ngọc Hồi</i>	HAN1003	1315	274	991	50	50			Tháng 8/2026		Tổ 2
B.	NTLS XÃ, PHƯỜNG											
I.	KHU VỰC 1 - SÓC SƠN											
1	Xã Trung Giã									Tháng 8/2026		Tổ 3 + 4
	<i>NTLS Bắc Sơn</i>	HAN1292	167		132	35	35					
	<i>NTLS Nam Sơn</i>	HAN1291	128		96	32	32					
	<i>NTLS Hồng Kỳ</i>	HAN1289	74		56	18	18					
	<i>NTLS Trung Giã</i>	HAN1290	191		176	15	15					
2	Xã Mê Linh									Tháng 8/2026		Tổ 3 + 4
	<i>NTLS Tráng Việt</i>	HAN1148	105	57	6	42	42					
	<i>NTLS Tiền Phong</i>	HAN1147	156	149		7	7					
	<i>NTLS Mê Linh</i>	HAN1145	58	55		3	3					
	<i>NTLS Văn Khê</i>	HAN1146	260	233		27	27					
3	Xã Tiến Thắng									Tháng 8/2026		Tổ 3 + 4
	<i>NTLS Tiến Thắng</i>	HAN1173	127	41	79	7	7					
	<i>NTLS Tam Đồng</i>	HAN1172	130	91	15	24	24					
	<i>NTLS Tự Lập</i>	HAN1171	133	0	123	10	10					
4	Xã Yên Lãng									Tháng 8/2026		Tổ 5 + 6
	<i>NTLS Vạn Yên</i>	HAN1179	44	13	20	11	11					
	<i>NTLS Tiến Thịnh</i>	HAN1177	93	1	57	35	35					
	<i>NTLS Liên Mạc</i>	HAN1178	183		161	22	22					
	<i>NTLS Chu Phan</i>	HAN1176	227	30	173	24	24					
	<i>NTLS Thạch Đà</i>	HAN1175	185	51	119	15	15					

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS Hoàng Kim	HAN1174	66	32	33	1	1					
5	Xã Sóc Sơn									Tháng 8/2026		Tổ 5 + 6
	NTLS Tiên Dược	HAN1298	380	303	17	60	60					
	NTLS Mai Đình	HAN1297	173	109	62	2	2					
	NTLS Đông Xuân	HAN1296	95	18	77							
	NTLS Phù Lỗ	HAN1295	164	154	9	1	1					
6	Xã Đa Phúc									Tháng 8/2026		Tổ 5 + 6
	NTLS Xuân Giang	HAN1293	148		145							
	NTLS Tân Hưng	HAN1294	42		38	4	4					
7	Xã Kim Anh									Tháng 8/2026		Tổ 5 + 6
	NTLS Minh Phú	HAN1286	129	37	76	16	16					
	NTLS Minh Trí	HAN1287	79	53		26	26					
	NTLS Tân Dân	HAN1288	173	34	136							
8	Xã Quang Minh									Tháng 8/2026		Tổ 7 + 8
	NTLS Quang Minh	HAN1141	302		100	11	11					
	NTLS Thanh Lâm	HAN1139	155		56	4	4					
	NTLS Đại Thịnh	HAN1138	138		61	18	18					
	NTLS Kim Hoa	HAN1140	149		39	20	20					
9	Xã Thư Lâm									Tháng 8/2026		Tổ 7 + 8
	NTLS Liên Hà	HAN1308	247	247								
	NTLS Vân Hà	HAN1309	151	151								
	NTLS Thụy Lâm	HAN1307	199	191	8							
	NTLS Xuân Nộn	HAN1306	174	167	7							
10	Xã Nội Bài									Tháng 8/2026		Tổ 7 + 8
	NTLS Thanh Xuân	HAN1299	109	43	64	2	2					
	NTLS Hiền Ninh	HAN1300	164	97	15	52	52					
	NTLS Quang Tiến	HAN1301	43	26	6	11	11					
	NTLS Phú Cường	HAN1302	96	95		1	1					
	NTLS Phú Minh	HAN1303	104	53	49	2	2					
11	Xã Phúc Thệ									Tháng 8/2026		Tổ 7 + 8

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS Bắc Hồng	HAN1329	170	163	4	3	3					
	NTLS Nam Hồng	HAN1328	273	246	15	12	12					
	NTLS Đông Anh	HAN1330	672	585	52	35	35					
II.	KHU VỰC 2 - PHÚC THỌ											
12	Phường Dương Nội									Tháng 8/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS Phường Dương Nội	HAN1194	212	210	1	1	1					
13	Phường Yên Nghĩa									Tháng 8/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS phường Yên Nghĩa	HAN1202	184	1	182	1	1					
	NTLS phường Đồng Mai	HAN1201	126	28	77	21	21					
14	Xã Phúc Thọ									Tháng 8/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS xã Long Xuyên	HAN1186	128	50	77	0	0					
	NTLS xã Thượng Cốc	HAN1187	118	86	32							
	NTLS thị trấn Phúc Thọ	HAN1181	239	201	26	12	12					
	NTLS xã Phụng Thượng	HAN1185	171		169	2	2					
	NTLS xã Tích Giang	HAN1182	231		231							
	NTLS xã Thọ Lộc	HAN1183	135		134	1	1					
	NTLS xã Trạch Mỹ Lộc	HAN1184	197		178	19	19					
15	Xã Yên Bài									Tháng 8/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS xã Yên Bài	HAN1275	50	16	34							
	NTLS Vân Hòa	HAN1276	109	10	99							
16	Xã Minh Châu									Tháng 8/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS xã Minh Châu	HAN1277	105	95	10	0	0					
17	Phường Tùng Thiện									Tháng 8/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS xã Thanh Mỹ	HAN1333	156	34	118	4	4					
	NTLS xã Xuân Sơn	HAN1332	96	26	63	7	7					
	NTLS xã Trung Sơn Trầm	HAN1334	98	27	71							
18	Xã Vật Lại									Tháng 8/2026		Tổ 11 + 12
	NTLS xã Phú Châu	HAN1252	198	48	4	2	2					
	NTLS xã Đồng Thái	HAN1251	169	2	44	1	1					
	NTLS xã Vật Lại	HAN1250	291	68	132	49	49					

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS xã Thái Hòa	HAN1254	161	21	19	2	2					
	NTLS xã Phú Sơn	HAN1253	144	19	4	2	2					
19	Xã Đan Phượng									Tháng 8/2026		Tổ 11 + 12
	NTLS xã Đan Phượng (Tên cũ: NTLS liên xã TT Phùng, Đan Phượng, Song Phượng, Đồng Tháp)	HAN1149	236		229	7	7					
20	Phường Sơn Tây									Tháng 8/2026		Tổ 11 + 12
	NTLS thị xã Sơn Tây	HAN1335	494	133	358	3	3					
	NTLS xã Đường Lâm	HAN1336	177	96	81							
	NTLS Phường Trung Hưng	HAN1337	134	33	101							
21	Xã Thạch Thất									Tháng 8/2026		Tổ 11 + 12
	NTLS Thạch Thất (xã Đại Đồng)	HAN1049	396	84	306	6	6					
22	Xã Hưng Đạo									Tháng 8/2026		Tổ 13 + 14
	NTLS xã Tân Phú	HAN1006	62	1	21	0	0					
	NTLS xã Đại Thành	HAN1007	70		39	0	0					
	NTLS xã Tân Hòa	HAN1008	100		41	2	2					
	NTLS xã Cộng Hòa	HAN1009	133		42	16	16					
23	Xã Yên Xuân									Tháng 8/2026		Tổ 13 + 14
	NTLS xã Tiến Xuân	HAN1062	68	21	1	46	46					
	NTLS xã Yên Bình	HAN1063	13	13								
24	Xã Hạ Bằng									Tháng 8/2026		Tổ 13 + 14
	NTLS xã Hạ Bằng	HAN1050	339	145	82	112	112					
25	Xã Quốc Oai									Tháng 8/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS xã Sài Sơn	HAN1005	292	4	269	19	19					
	NTLS xã thị trấn Quốc Oai	HAN1004	398	202	182	14	14					
26	Phường Chương Mỹ									Tháng 8/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS thị trấn Chúc Sơn	HAN1064	120	0	47	17	17					
	NTLS xã Thụy Hương	HAN1065	61	0	34	27	27					
	NTLS xã Đại Yên	HAN1066	97	0	97							

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS xã Phụng Châu	HAN1069	120	0	55	14	14					
	NTLS xã Tiên Phương	HAN1068	104	0	97	7	7					
	NTLS xã Ngọc Hòa	HAN1067	72	0	52	20	20					
	NTLS xã Biên Giang	HAN1070	52	2	50							
27	Xã Bất Bạt		592							Tháng 8/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS xã Cẩm Lĩnh	HAN1271	186	78		17	17					
	NTLS xã Thuần Mỹ	HAN1274	165	18		35	35					
	NTLS xã Sơn Đà	HAN1272	157	14		15	15					
	NTLS xã Tòng Bạt	HAN1273	84	64		20	20					
28	Xã Phú Cát									Tháng 9/2026		Tổ 3 + 4
	NTLS xã Hòa Thạch	HAN1016	116		116							
	NTLS xã Đông Yên	HAN1015	269		261	8	8					
	NTLS xã Phú Cát	HAN1017	56	32	24							
	NTLS xã Phú Mãn	HAN1018	24		24							
29	Xã An Khánh									Tháng 9/2026		Tổ 3 + 4
	NTLS xã An Khánh	HAN1313	315	299	10	6	6					
	NTLS xã La Phù	HAN1315	108	106	2							
	NTLS xã An Thượng	HAN1314	207	189	6	11	11					
	NTLS xã Vân Côn	HAN1317	147	146	1							
	NTLS xã Đông Lao	HAN1316	121	119	2							
30	Xã Đoài Phương									Tháng 9/2026		Tổ 3 + 4
	NTLS xã Cổ Đông	HAN1338	229	62	145	22	22					
	NTLS xã Sơn Đông	HAN1340	196	126	52	18	18					
	NTLS xã Kim Sơn	HAN1339	58	14	44	0	0					
31	Xã Cổ Đô									Tháng 9/2026		Tổ 5 + 6
	Nghĩa trang LS xã Vạn Thắng	HAN1256	192	1	191							
	Nghĩa trang LS xã Tân Hồng	HAN1260	276	79	197							
	Nghĩa trang LS xã Phú Phương	HAN1261	141	32	109							
	Nghĩa trang LS xã Châu Sơn	HAN1262	103	17	84	2	2					
	Nghĩa trang LS xã Phú Đông	HAN1255	120		120							

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	Nghĩa trang LS xã Phong Vân	HAN1257	185		3	182	182					
	Nghĩa trang LS xã Cổ Đô	HAN1258	263	2	4	259	259					
	Nghĩa trang LS xã Phú Cường	HAN1259	179		61	118	118					
32	Xã Dương Hòa									Tháng 9/2026		Tổ 7 + 8
	NTLS xã Đắc Sở	HAN1019	115	100	1	14	14					
	NTLS xã Yên Sở	HAN1020	210	57	140	13	13					
	NTLS xã Dương Liễu, Cát Quế, Minh Khai	HAN1021	490	260	224	6	6					
33	Xã Hát Môn									Tháng 9/2026		Tổ 7 + 8
	NTLS xã Liên Hiệp	HAN1192	120		114	6	6					
	NTLS xã Hiệp Thuận	HAN1191	131		130	1	1					
	NTLS xã Tam Hiệp	HAN1190	168		167	1	1					
	NTLS xã Ngọc Tảo	HAN1193	163		158	5	5					
	NTLS Thanh Thuần	HAN1189	235		234	1	1					
	NTLS xã Hát Môn	HAN1188	153		153	0	0					
34	Xã Phúc Lộc									Tháng 9/2026		Tổ 7 + 8
	NTLS xã Vông Xuyên	HAN1205	238		92	1	1					
	NTLS xã Vân Cốc	HAN1210	315		163							
	NTLS xã Sen Chiểu	HAN1207	158		56							
	NTLS xã Phương Độ	HAN1206	56		16							
	NTLS xã Cẩm Đình	HAN1209	158		57							
	NTLS xã Xuân Phú	HAN1208	139		34							
35	Xã Sơn Đồng									Tháng 9/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS xã Lại Yên	HAN1025	170	79	88	3	3					
	NTLS xã Sơn Đồng	HAN1023	137	40	96	1	1					
	NTLS xã Tiền Yên	HAN1022	62	8	54	0	0					
	NTLS xã Song Phương	HAN1024	205	186	8	11	11					
36	Xã Tây Phương									Tháng 9/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS xã Thạch Xá	HAN1048	479	47	343	89	89					
37	Xã Kiều Phú									Tháng 9/2026		Tổ 9 + 10

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS xã Tuyết Nghĩa	HAN1013	114		46	6	6					
	NTLS xã Nghĩa Hương	HAN1011	100	36	26	33	33					
	NTLS xã Liệp Tuyết	HAN1014	136	48	12	31	31					
	NTLS xã Cấn Hữu	HAN1010	190	78	7	1	1					
	NTLS xã Ngọc Liệp	HAN1012	58	50	5	3	3					
38	Xã Phú Nghĩa									Tháng 9/2026		Tổ 11 + 12
	NTLS xã Đông Sơn	HAN1030	112	38	73	1	1					
	NTLS xã Đông Phương Yên	HAN1029	112	45	66	1	1					
	NTLS xã Trung Hòa	HAN1028	82	40	42	0	0					
	NTLS xã Trường Yên	HAN1027	87	74	10	3	3					
	NTLS xã Thanh Bình	HAN1031	120	42	76	2	2					
	NTLS xã Phú Nghĩa	HAN1026	80	79	1	0	0					
39	Xã Xuân Mai									Tháng 9/2026		Tổ 11 + 12
	NTLS xã Thủy Xuân Tiên	HAN1033	97	82		15	15					
	NTLS xã Xuân Mai	HAN1032	81	62		19	19					
	NTLS xã Tân Tiến	HAN1035	112	99		13	13					
	NTLS xã Nam Phương Tiến	HAN1034	81	81		0	0					
40	Xã Ô Diên									Tháng 9/2026		Tổ 11 + 12
	NTLS Liên xã Tân Lập - Tân Hội	HAN1135	291	0	278	13	13					
	NTLS Liên xã Hồng Hà - Hạ Mỗ - Thượng Mỗ	HAN1136	149	0	148	1	1					
	NTLS xã Liên Trì	HAN1137	148	0	140	8	8					
41	Xã Ba Vì									Tháng 9/2026		Tổ 13 + 14
	NTLS xã Khánh Thượng	HAN1268	105	103	2							
	NTLS xã Đá Chông	HAN1269	331	105	5	221	221					
42	Xã Suối Hai									Tháng 9/2026		Tổ 13 + 14
	NTLS xã Tân Lĩnh	HAN1270	180									
43	Xã Quảng Oai									Tháng 9/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS xã Tây Đằng	HAN1236	256	43	0	45	45					
	NTLS xã Chu Minh	HAN1234	110	22	0							

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS xã Tiên Phong	HAN1237	98	39	0	3	3					
	NTLS xã Cam Thượng	HAN1233	134	30	0	1	1					
	NTLS xã Đông Quang	HAN1235	72	21	0							
	NTLS xã Thụy An	HAN1238	93	28	0	7	7					
44	Xã Hoài Đức									Tháng 9/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS 3 xã Đức Giang - Thị trấn Trạm Trôi - Đức Thượng	HAN1099										
	NTLS 2 xã Kim Chung - Di Trạch	HAN1100										
45	Xã Liên Minh									Tháng 9/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS Thọ An - Thọ Xuân	HAN1142	308		303	5	5					
	NTLS Phương Đình	HAN1144	77		75	2	2					
	NTLS Trung Châu	HAN1143	164		153	11	11					
III.	KHU VỰC 3 - HỒNG HÀ											
46	Phường Tây Mỗ									Tháng 9/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS Đại Mỗ - Tây Mỗ	HAN1304	209									
IV.	KHU VỰC 4 - GIA LÂM											
47	Xã Phù Đổng									Tháng 06/2026		
	NTLS Yên Viên	HAN1180	1428		1347	81	11	7	4		28/06/2026	
48	Xã Thuận An									Tháng 9/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS Kim Sơn	HAN1203	1032		1017	15	15					
49	Xã Gia Lâm									Tháng 10/2026		Tổ 3 + 4
	NTLS Cổ Bi	HAN1204										
50	Xã Vĩnh Thanh									Tháng 10/2026		Tổ 3 + 4
	NTLS Hải Bối	HAN1310	143	139	0	4	4					
51	Xã Thiên Lộc									Tháng 10/2026		Tổ 3 + 4
	NTLS Kim Chung	HAN1319	209	183	26							
	NTLS Kim Nỗ	HAN1318	164	102		62	62					
	NTLS Đại Mạch	HAN1321	180	120	60							
	NTLS Vồng La	HAN1320	177	158		19	19					
52	Xã Đông Anh									Tháng 10/2026		Tổ 5 + 6

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS Xuân Canh	HAN1326	195	3	187	5	5					
	NTLS Dục Tú	HAN1327	210		196	14	14					
	NTLS Mai Lâm	HAN1324	176		164	12	12					
	NTLS Đông Hội	HAN1325	209	5	200	4	4					
	NTLS Việt Hùng	HAN1322	156	4	152							
	NTLS Cổ Loa	HAN1323	256	9	236	11	11					
V.	KHU VỰC 5 - THANH OAI											
53	Phường Vĩnh Hưng									Tháng 10/2026		Tổ 5 + 6
	NTLS phường Vĩnh Hưng	HAN1305	61	61								
54	Phường Hoàng Mai									Tháng 10/2026		Tổ 5 + 6
	NTLS Yên Sở	HAN1331	100	85	5	10	10					
55	Xã Chương Dương									Tháng 10/2026		Tổ 5 + 6
	NTLS Thắng Lợi	HAN1263	178	148	22	8	8					
	NTLS Chương Dương	HAN1267	76	76								
	NTLS Thư Phú	HAN1266	52	40	12							
	NTLS Lê Lợi	HAN1264	73	54	19							
	NTLS Tự Nhiên	HAN1265	155	155								
	NTLS Tô Hiệu	HAN1163	200	160	32	5	5					
56	Xã Thanh Oai									Tháng 10/2026		Tổ 7 + 8
	NTLS Thanh Mai	HAN1082	184	78		0	0					
	NTLS Kim Bài, Kim An	HAN1083	151	57		0	0					
	NTLS Đỗ Động	HAN1084	179	67		21	21					
	NTLS Phương Trung	HAN1085	278	226	7	13	13					
	NTLS Kim Thư	HAN1086	61	25	25	6	6					
57	Phường Phú Lương									Tháng 10/2026		Tổ 7 + 8
	NTLS Phú Lương	HAN1199	183	5	178	0	0					
	NTLS Phú Lãm	HAN1200	98	0	72	27	27					
58	Xã Văn Đình									Tháng 10/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS Phương Tú	HAN1087	83	4	23	19	19					
	NTLS Sơn Công	HAN1088	129	48								

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS Cao Thành	HAN1089	146		52							
	NTLS Đồng Tiến	HAN1090	72		22							
	NTLS Vân Đình	HAN1092	53	37	11	5	5					
	NTLS Tào Dương Văn	HAN1091	55		43	11	11					
59	Xã Nam Phù									Tháng 10/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS Vạn Phúc	HAN1077	86	22	16	1	1					
	NTLS Duyên Hà	HAN1078	69	10								
60	Xã Thường Tín									Tháng 10/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS Nhị Khê	HAN1278	98	10	79	9	9					
	NTLS Tiền Phong	HAN1279	71	22	49							
	NTLS Khánh Hà	HAN1280	119	25	94							
	NTLS Văn Phú	HAN1281	64	30	34							
	NTLS Hiền Giang	HAN1282	71	29	42							
	NTLS Văn Bình	HAN1283	187	62	123	1	1					
	NTLS Hòa Bình	HAN1284	72	0	71							
	NTLS TT Thường Tín	HAN1285	19	0	19							
61	Xã Ứng Thiên									Tháng 10/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS Viên An	HAN1110	78		68	10	10					
	NTLS Viên Nội	HAN1111	171	171								
	NTLS Hoa Sơn	HAN1112	31	31								
	NTLS Trường Thịnh	HAN1113	48	36	3	9	9					
	NTLS Quảng Phú Cầu	HAN1114	140		128	12	12					
	NTLS Liên Bạt	HAN1115	192		192							
62	Xã Trần Phú									Tháng 10/2026		Tổ 11 + 12
	NTLS Hoàng Văn Thụ	HAN1052	73	4	26	41	41					
	NTLS Hữu Văn	HAN1051	94	79	4	11	11					
	NTLS Trần Phú	HAN1054	65	48	8	9	9					
	NTLS Mỹ Lương	HAN1053	43	5	24	14	14					
63	Xã Ứng Hòa									Tháng 10/2026		Tổ 13 + 14
	NTLS Trung Tú	HAN1126	88	46	27	15	15					

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS Đồng Tân	HAN1127	97	54	3	40	40					
	NTLS Minh Đức	HAN1128	108	2	50	19	19					
	NTLS Kim Đường	HAN1129	120		80	40	40					
	NTLS Đông Lỗ	HAN1130	133	37		96	96					
	NTLS Đại Cường	HAN1131	106		106	0	0					
	NTLS Đại Hùng	HAN1132	97		70	27	27					
	NTLS Hòa Lâm	HAN1133	68	30	19	19	19					
	NTLS Trầm Lộng	HAN1134	112		35	77	77					
64	Phường Định Công									Tháng 10/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS Định Công	HAN1311	42	32	9	1	1					
65	Xã Hòa Phú									Tháng 10/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS Đồng Lạc	HAN1061	81	77		4	4					
	NTLS Hồng Phong	HAN1060	110	93		17	17					
	NTLS Đồng Phú	HAN1059	103	97		6	6					
	NTLS Hòa Chính	HAN1058	93	89		4	4					
	NTLS Phú Nam An	HAN1057	100	100								
	NTLS Thượng Vực	HAN1055	85	70		15	15					
	NTLS Văn Võ	HAN1056	53	40		13	13					
66	Phường Kiến Hưng									Tháng 10/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS Kiến Hưng	HAN1197	143		139	4	4					
	NTLS Văn La	HAN1198	129		103	6	6					
67	Xã Quảng Bị									Tháng 11/2026		Tổ 3 + 4
	NTLS Quảng Bị	HAN1036	70	55		7	7					
	NTLS Hợp Đồng	HAN1037	85	66	6	13	13					
	NTLS Tốt Động	HAN1038	80	75		5	5					
	NTLS Lam Điền	HAN1039	74	65		9	9					
	NTLS Hoàng Diệu	HAN1040	98	56		24	24					
68	Xã Hòa Xá									Tháng 11/2026		Tổ 3 + 4
	NTLS Hòa Xá - Vạn Thái	HAN1116	130		101	29	29					
	NTLS Hòa Nam - Hòa Phú	HAN1118	125		125	0	0					

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS Phù Lưu	HAN1117	44		30	14	14					
	NTLS Lưu Hoàng	HAN1119	18		11	7	7					
	NTLS Đội Bình	HAN1121	140		140	0	0					
	NTLS Hồng Quang	HAN1120	121		104	17	17					
69	Xã Chuyên Mỹ									Tháng 11/2026		Tổ 5 + 6
	NTLS Châu Can	HAN1071	183	30	152	0	0					
	NTLS Phú Yên	HAN1073	82	17	65	0	0					
	NTLS Văn Từ	HAN1072	171	113	44	13	13					
	NTLS Tân Dân	HAN1074	214	80	105	29	29					
	NTLS Chuyên Mỹ	HAN1075	240	80	121	39	39					
70	Xã Dân Hòa									Tháng 11/2026		Tổ 5 + 6
	NTLS Cao Dương	HAN1093	105	25	10							
	NTLS Xuân Dương	HAN1094	73	22								
	NTLS Dân Hòa	HAN1098	140	93	5	11	11					
	NTLS Hồng Dương	HAN1097	192	53	13							
	NTLS Tân Ước	HAN1095	115	49	35	31	31					
	NTLS Liên Châu	HAN1096	58	40		9	9					
71	Xã Hồng Vân									Tháng 11/2026		Tổ 7 + 8
	NTLS Duyên Thái	HAN1243	79	55								
	NTLS Ninh Sở	HAN1241	103	52		5	5					
	NTLS Hà Hồi	HAN1242	133	70								
	NTLS Văn Tảo	HAN1239	131	39								
	NTLS Hồng Vân	HAN1240	46	7		5	5					
	NTLS Liên Phương	HAN1244	89	50								
72	Xã Mỹ Đức									Tháng 11/2026		Tổ 7 + 8
	NTLS Hợp Thanh	HAN1214	58	34								
	NTLS Đại Hưng	HAN1213	70	59		11	11					
	NTLS Đại Nghĩa	HAN1212	117	64		4	4					
	NTLS An Phú	HAN1215	96	64		32	32					
	NTLS Phù Lưu Tế	HAN1211	132	124		53	53					

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
73	Xã Phượng Dực									Tháng 11/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS Tri Trung	HAN1166	125	1	124							
	NTLS Hồng Minh	HAN1165	103		103							
	NTLS Phượng Dực	HAN1164	137		127	10	10					
	NTLS Phú Túc	HAN1167	121		47	74	74					
	NTLS Hoàng Long	HAN1170	327		266	61	61					
	NTLS Văn Hoàng	HAN1168	142		139	1	1					
	NTLS Đại Thắng	HAN1169	91		91							
74	Xã Hương Sơn									Tháng 11/2026		Tổ 11 + 12
	NTLS Vạn Kim	HAN1220	142	29	7	106	106					
	NTLS Đốc Tín	HAN1217	80	79	1	0	0					
	NTLS Hùng Tiến	HAN1219	84	36	19	20	20					
	NTLS An Tiến	HAN1216	118	64	15	39	39					
	NTLS Hương Sơn	HAN1218	123	67	13	43	43					
75	Phường Thanh Liệt									Tháng 11/2026		Tổ 11 + 12
	NTLS Tân Triều	HAN1081	70	58	12	0	0					
76	Xã Phúc Sơn									Tháng 11/2026		Tổ 13 + 14
	NTLS Đồng Tâm	HAN1228	126		125	1	1					
	NTLS Thượng Lâm	HAN1230	131		119	12	12					
	NTLS Tuy Lai	HAN1231	239		221	18	18					
	NTLS Mỹ Thành	HAN1229	112		112							
	NTLS Bội Xuyên	HAN1227	156		136	20	20					
	NTLS Phúc Lâm	HAN1232	150		134	16	16					
77	Xã Tam Hưng									Tháng 11/2026		Tổ 13 + 14
	NTLS Tam Hưng	HAN1101	215	81	96	38	38					
	NTLS Mỹ Hưng	HAN1102	132	67	3							
	NTLS Thanh Thùy	HAN1104	98	18	50	30	30					
	NTLS Thanh Văn	HAN1103	95	95								
78	Xã Đại Xuyên									Tháng 11/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS Đại Xuyên	HAN1041	182		59	9	9					

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS Bạch Hạ	HAN1045	51		33	18	18					
	NTLS Quang Lăng	HAN1047	158		107	51	51					
	NTLS Tri Thủy	HAN1044	77		35	42	42					
	NTLS Khai Thái	HAN1043	177		161	16	16					
	NTLS Phúc Tiến	HAN1042	63		50	13	13					
	NTLS Minh Tân	HAN1046	143		139	4	4					
79	Xã Đại Thanh									Tháng 11/2026		Tổ 15 + 16
	NTLS Tam Hiệp	HAN1122	98		91	7	7					
	NTLS Vĩnh Quỳnh	HAN1123	109		109							
	NTLS Tả Thanh Oai	HAN1124	219	47	63							
	NTLS Hữu Hòa	HAN1125	160		150	10	10					
80	Xã Phú Xuyên									Tháng 12/2026		Tổ 3 + 4
	NTLS Minh Cường	HAN1150	180			11	11					
	NTLS Văn Tự	HAN1151	90			1	1					
	NTLS Vạn Điểm	HAN1152	106			2	2					
	NTLS Thống Nhất	HAN1153	109			25	25					
	NTLS Nam Tiến	HAN1154	135			2	2					
	NTLS Thụy Phú	HAN1155	119			7	7					
	NTLS Hồng Thái	HAN1156	241			28	28					
	NTLS Sơn Hà	HAN1157	79		79							
	NTLS Quang Trung	HAN1158	106		3	2	2					
	NTLS Nam Phong	HAN1159	135			3	3					
	NTLS Nam Triều	HAN1160	135			2	2					
	NTLS Phú Minh	HAN1161	70		70							
	NTLS Phú Xuyên	HAN1162	157		148	11	11					
81	Phường Hà Đông									Tháng 12/2026		Tổ 5 + 6
	NTLS Hà Đông	HAN1196	180	4	48	128	128					
	NTLS Vạn Phúc	HAN1195	199	35	111	16	16					
82	Xã Hồng Sơn									Tháng 12/2026		Tổ 7 + 8
	NTLS Hợp Tiến	HAN1223	89	2	38	47	47					

Số TT	Tỉnh (TP)	Mã định danh NTLS	Tổng số mộ trong NTLS	Mộ trong NTLS			Mộ đủ điều kiện lấy mẫu HCLS	Kết quả lấy mẫu HCLS		Thời gian tổ chức lấy mẫu HCLS		Tổ (đội) phụ trách lấy mẫu
				Mộ đủ thông tin	Mộ có 1 phần thông tin	Mộ chưa xác định được thông tin		Mộ lấy được mẫu HCLS	Mộ không lấy được mẫu HCLS	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
	NTLS Hồng Sơn	HAN1222	92		38	36	36					
	NTLS Lê Thanh	HAN1224	129		62							
	NTLS Xuy Xá	HAN1226	58		32							
	NTLS Phùng Xá	HAN1225	66		64							
	NTLS An Mỹ	HAN1221	146		70	12	12					
83	Xã Ngọc Hồi									Tháng 12/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS (Yên Kiện) Ngọc Hồi	HAN1079	76	65		11	11					
	NTLS Đại Áng	HAN1080	89	80	4	5	5					
84	Xã Thanh Trì									Tháng 12/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS Yên Mỹ	HAN1076	51	48	1	2	2					
85	Xã Thượng Phúc									Tháng 12/2026		Tổ 9 + 10
	NTLS Dũng Tiến	HAN1249	155	148		6	6					
	NTLS Nghiêm Xuyên	HAN1248	134	132	2	0	0					
	NTLS Nguyễn Trãi	HAN1247	162	161		1	1					
	NTLS Quất Động	HAN1245	165	153		13	13					
	NTLS Tân Minh	HAN1246	160	137	1	22	22					
86	Xã Bình Minh									Tháng 12/2026		Tổ 11 + 12
	NTLS Bình Minh	HAN1109	160	147		13	13					
	NTLS Bích Hòa	HAN1105	77	30	10							
	NTLS Cự Khê	HAN1106	140	75	12	19	19					
	NTLS Thanh Cao	HAN1108	144	78	56							
	NTLS Cao Viên	HAN1107	163	112								
Cộng			49614	15607	22025	4675	4605		4			